

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận ASEAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau bìa trước/Back side
Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Ministry of Transport of Viet Nam GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT	Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration Number) Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign) VN Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải Details of Transport Operator

Số (Permit No.) Cấp cho (Issued to): ☐ Phương tiện thương mại (Commercial vehicle) ☐ Phương tiện phi thương mại (Non-Commercial vehicle) Trang 1 Page 1	Tên đơn vị (Transport Operator Name): Địa chỉ (Address): Số điện thoại (Telephone number): số Fax/ Địa chỉ email (Fax number/Email address): Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation): Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross-Border Transport Permit No.): Ngày phát hành (Issuing date): Trang 2 Page 2
GHI CHÚ	GHI CHÚ NOTICES

NOTICES

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From): (dd/mm/yyyy)

Đến ngày (Until): (dd/mm/yyyy)

**Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination**

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):

.....
.....

Ngày cấp (Date of issuance):

.....

**Issuing Authority
(Signature & Stamp)**

**Giấy phép này được gia hạn
This permit is extended**

Đến ngày (Until): (dd/mm/yyyy)

**Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination**

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):

.....
.....

Ngày cấp (Date of issuance):

.....

**Issuing Authority
(Signature & Stamp)**

Trang 3
Page 3

Trang 4
Page 4

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
-Thời hạn tạm nhập (Duration of	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
-Thời hạn tạm nhập (Duration of	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan

temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Hải quan Customs seal	Customs seal	Customs seal	Customs seal	temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Hải quan Customs seal	Customs seal	Customs seal	Customs seal																
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chuyến đi (Trip)</th> <th>Ngày vào (Date of entry)</th> <th>Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)</th> <th>Ngày ra (Date of exit)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>(1)</td> <td>(2)</td> <td>(3)</td> <td>(4)</td> </tr> </tbody> </table>				Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)	(1)	(2)	(3)	(4)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chuyến đi (Trip)</th> <th>Ngày vào (Date of entry)</th> <th>Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)</th> <th>Ngày ra (Date of exit)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>(1)</td> <td>(2)</td> <td>(3)</td> <td>(4)</td> </tr> </tbody> </table>				Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)	(1)	(2)	(3)	(4)
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)																				
(1)	(2)	(3)	(4)																				
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)																				
(1)	(2)	(3)	(4)																				

-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
--	--	--	--	--	--	--	--

-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point): -Cửa khẩu ra (Exit point): -Tuyến đường (Route): Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
Hướng dẫn(Instruction) 1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa. This permit contains 50 pages excluding the covers. 2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should				Ghi chú (Notices): Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm Page size: 105 mm x 150 mm			

request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.